

Hợp đồng thuê nhà ở

Thuê nhà ở thông thường (thuê chính)
Theo pháp luật Việt Nam

1. Bên cho thuê

Họ và tên (bên cho thuê)

Số nhà, tên đường (bên cho thuê)

Mã bưu chính (bên cho...

Tỉnh / thành phố (bên cho thuê)

Điện thoại hoặc e-mail (bên cho thuê)

2. Bên thuê

Họ và tên (bên thuê)

Số nhà, tên đường (bên thuê)

Mã bưu chính (bên thuê)

Tỉnh / thành phố (bên thuê)

Điện thoại hoặc e-mail (bên thuê)

3. Nhà ở

Địa chỉ căn hộ (số nhà, đường, phường/xã, tỉnh/thành phố, tầng)

Số phòng

Diện tích ở (m²)

Số chìa khóa

Nhà được cho thuê kèm nội thất.

Kèm theo nhà có nhà kho / chỗ chứa đồ.

4. Thời hạn

Hợp đồng thuê được ký không xác định thời hạn.

Ngày bắt đầu

Có thời hạn đến (ngày, không bắt buộc)

5. Tiền thuê và chi phí

Tiền thuê cơ bản (hàng tháng)

Tạm ứng chi phí điện nước, dịch vụ (số tiền)

Tổng tiền thuê (số tiền)

Tiền đặt cọc (số tiền)

Tiền thuê chuyển vào tài khoản / số tài khoản

Tiền thuê được trả trước hằng tháng, chậm nhất vào ngày làm việc thứ ba của tháng.

6. Tình trạng

Nhà được bàn giao trong tình trạng đã sửa sang (cải tạo).

Được nuôi thú nhỏ; chó và mèo chỉ khi có sự đồng ý.

Biên bản bàn giao nhà được hai bên cùng lập khi nhận và trả nhà (xem biểu mẫu riêng).

7. Thỏa thuận khác

Thỏa thuận khác (ví dụ: nội quy nhà, sửa sang, cho thuê lại)

Địa điểm

Ngày

Địa điểm

Ngày

Chữ ký bên cho thuê

Chữ ký bên thuê